

Nhớ Sử Xưa



ĐỂ TRÔNG VỀ VIỆT NAM HÔM NAY

TRẦN HUNG

Thế Tổ Gia Long sau khi thống nhất sơn hà đã đặt quốc hiệu nước ta là Việt Nam(1802). Nối tiếp ông, các vua như Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, lần lượt lên ngôi Thiên Tử, ngự điện Thái Hoà trị vì đất nước. Tuy nhiên, nền độc lập quốc gia sớm bị mai một, năm 1847 tàu Pháp nổ súng vào Đà Nẵng¹, đánh dấu bước khởi đầu chuẩn bị cho giai đoạn bảo hộ của Pháp quốc tại Việt Nam. Kể từ đó vai trò tối cao của Tự Đức và chín vị vua nhà Nguyễn sau này chỉ còn trên danh nghĩa.

Hơn năm mươi năm nắm quyền, bốn vị vua đầu triều Nguyễn đã để lại khá nhiều thành tựu bên cạnh những gì còn dang dở nuối tiếc! Gọi là thành tựu vì người Việt Nam hôm nay đang thừa hưởng dải sơn hà cầm tú trải dài từ Nam quan đến mũi Cà mau. Nước Việt vẫn còn đó những lăng tẩm cung điện, những vương cung phủ chúa ít nhiều nói lên nền độc lập quốc gia. Còn đó dấu tích Đền Nam Giao và những bia đá khắc tên các vị tiến sĩ triều Nguyễn làm gợi nhớ một giai đoạn vinh tôn kỷ cương của nền đạo học Tống Nho. Còn đó những tâm tình tín ngưỡng chân thành và nền phong hoá nhắc nhớ việc hiếu kính Tiên tổ,

Hiền nhân... Nhưng, nói là dang dở, bởi lẽ người Việt hôm nay không khỏi cảm nhận những tiếc nuối, lỡ vận khi nhìn sang những quốc gia Á Đông. Nhật Bản trở thành siêu cường sánh vai vững bước với các quốc gia Âu Châu sau bước dài biến chuyển từ quyết định mở rộng cửa giao thương. Thái Lan không có những lợi thế rõ rệt như Việt Nam, nhưng giờ đây vẫn bảo tồn được hoàng gia, duy trì quốc giáo và hăm hở “*hoá rồng*” mà đâu cần hạn chế quan hệ hợp tác với Phương Tây... Và có lẽ nuối tiếc nhất chính là sự phân hoá não trạng lương giáo hay sự hiểm thù đối với người Công Giáo vẫn hằn sâu dai dẳng cho đến thời đại hôm nay!

Trong chiều hướng “*ôn cố tri tân*”, bài viết này trình bày về một thời hùng tráng của người Công Giáo thời nhà Nguyễn để phân nào soi rọi những gì đang diễn ra trong hiện tại. Dù gì đi nữa, mọi áp bức của nhà cầm quyền sẽ chẳng thể xoay chuyển Đức Tin của người Công Giáo Việt Nam.

1. NHÀ NGUYỄN CẢM ĐẠO NHƯNG MỘNG ĐỂ VƯƠNG KHÔNG TRÒN

- *Nhà Nguyễn dùng mọi phương thế để bảo tồn ngai vàng!*².

Dựng xây nền độc lập giữa những khó khăn gian khổ, tổ tiên của nhà Nguyễn mà

¹ Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, Q.II, Tr.234

² Xc. Sđd, Tr. 29-252.

khởi đầu là Triệu Tổ Nguyễn Kim (1533) đã dày công mở cõi phương nam. Bảy lần nam bắc phân tranh với chúa Trịnh, các chúa Nguyễn đã chọn vùng đất Thuận Quảng trải dài từ Đèo Ngang đến Hải Vân để lập nghiệp chúa. Đánh Chiêm Thành, thu phục Chân Lạp, nhà Nguyễn nối tiếp nhau đặt ảnh hưởng đến tận biên thủy nước Xiêm (Thailand). Thời Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765), ông xưng vương song không lâu sau đó vương triều Nguyễn đi vào suy vi vì người kế ngôi Vũ Vương còn nhỏ mà triều thần lại chuyên quyền khiến nội tình dân chúng bất mãn. Nhà Tây sơn nhân cơ hội đó dấy binh chiếm Qui Nhơn, phía bắc quân chúa Trịnh cũng kéo vào Phú Xuân (Huế), nhà Nguyễn phải bôn tẩu về Nam. Từ Gia Định, Nguyễn Vương khởi quân phản công Tây sơn nhưng bị anh em Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ đuổi bắt và giết hết cả vương triều. Duy chỉ còn Nguyễn Phúc Ánh, cháu của Thái Thượng Vương sống sót. Mới 17 tuổi, Nguyễn Phúc Ánh triệu tập quân binh lấy lại Gia Định, được các quan tôn làm Đại Nguyên Soái, Nhiếp Quốc Chính. Năm 1780 ông xưng vương quyết khôi phục cơ đồ. Quân Tây Sơn tiếp tục truy sát quyết liệt, Nguyễn Ánh bỏ chạy trong cảnh thế cùng lực kiệt. Ông bôn ba hải ngoại cầu viện quân Xiêm và nhiều lần quay lại phục quốc nhưng đều thất bại trước binh hùng lực mạnh nhà Tây Sơn. May mắn gặp được sự trợ giúp của Đức Cha Bá Đa Lộc, năm 1789 Nguyễn Vương lấy lại Gia Định. Năm 1782, Quang Trung - Nguyễn Huệ băng hà, lúc này nhà Tây Sơn bắt đầu suy yếu, Nguyễn Vương thúc quân chiếm lại đất đai mà xưa kia tổ tiên đã dày công quật lập. Sau ba lần khởi quân, năm 1799 Nguyễn Vương chiếm được Bình Định, năm 1801 tiếp tục thu phục Phú Xuân. Từ khi khởi binh ở Gia Định, Nguyễn Phúc Ánh đã xưng vương nhưng không đặt niên hiệu, tháng 5 năm 1802 ông lập đàn tế trời và đặt niên hiệu là Gia Long. Một tháng sau quân Nguyễn triều ra đến Thăng Long chính thức chấm dứt thời kỳ phục quốc. Vua Gia Long xưng đế hiệu là Thế Tổ,

đặt quốc hiệu là Việt Nam, chọn Phú Xuân làm nơi đóng đô.

Như vậy, các chúa Nguyễn mất 244 năm để xây dựng cơ đồ (1533-1777). Tiếp sau đó, Thế Tổ Gia Long mất một phần tư thế kỷ để dành lại vương triều. Tự cố chí kim, các vua chúa đều ước mong vương quyền lưu truyền vạn đại, tôn chỉ này càng trọng đại hơn với nhà Nguyễn. Công lao khai mở, thu phục và thống nhất giang sơn làm một mối trong gian lao khổ nhọc chắc hẳn khiến Gia Long cũng như các vị vua triều Nguyễn sau này xem việc duy trì Hoàng Triều và bảo vệ chủ quyền đất nước là ưu tiên hơn mọi ưu tiên. Bất kể điều gì dù tốt đẹp cách mấy mặc lòng nhưng chỉ cần có biểu hiện hoặc nguy cơ phạm đến sự tôn vinh của vương triều thì đều bị nhà Nguyễn loại trừ. Công giáo cũng không là ngoại lệ, trong mắt các vua như Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức... ảnh hưởng của đạo Công giáo trên dân chúng trong nhiều lĩnh vực tiềm ẩn những nguy cơ xói mòn quyền lực vương triều.

- *“Hòn Đại Việt, giọng Hàn Thuyên”.*

Từ rất lâu, Việt Nam và những quốc gia đồng văn Trung Hoa đã bị ảnh hưởng bởi chữ viết và văn hoá Khổng Mạnh. Chủ trương chấp nhận văn hoá Trung Hoa là một biện pháp tự vệ của các vua chúa Việt Nam, song khi biện pháp này được ứng dụng quá lâu thì chắc chắn văn hoá Trung Hoa đã thâm nhiễm tim óc người dân Việt³. Thời nhà Nguyễn, các vua vua mặc nhiên độc tôn Tống Nho, loại bỏ chữ Nôm⁴. Hiện trạng trên có nguyên nhân từ thời nhà Lý, khi đó Nho giáo đóng vai trọng tâm, các sĩ tử nước ta ngày đêm giùi mài kinh sử của thánh hiền Trung hoa để có vốn liếng đi thi. Khi đỗ đạt, các quan lại cùng với Vua đem những kiến thức đó dùng để trị dân. Đến khi nhà Nguyễn trị vì, tuy vinh tôn Nho giáo, song vua quan lại xem nặng phần “Hình Nhi Hạ”, coi đó như một học thuyết chính trị làm khung

³ Vĩnh Sinh, *Việt Nam Nhật Bản Trong Thế Giới Đông Á*,...Tr.12

⁴ Đào Trung Hiệu, *Cuộc Lữ Hành Đức Tin*, HVĐM, Q.II,Tr.182

nền pháp chế cung cấp cho tầng lớp phong kiến những phương thức trị dân. Nho học thời nhà Nguyễn ở vào giai đoạn thoái trào, các vua đề cao Tống nho chỉ để bồi đắp cho quyền lực vương triều chứ không còn nhắm đến những đạo lý cao xa⁵.

Về việc bắt đạo, nhà Nguyễn vốn đã dị ứng với Kitô giáo, họ xem Công Giáo là tà đạo làm huỷ hoại phong hoá Nho giáo. Các tín hữu Kitô trong mắt họ là những người rời bỏ tinh thần Nho học, gây nên sự xáo trộn nề nếp quốc gia, công khai phạm tội khi quân, gián tiếp phủ nhận vai trò Thiên Tử của nhà vua. Chữ Hiếu là một nội dung quan trọng của giáo lý đạo Khổng, tuy vậy các Kitô hữu lại thể hiện tinh thần hiếu kính tiên tổ bằng một hình thức quá mới so với lối thức của vua quan và dân chúng đất Việt lúc bấy giờ⁶. Việt Nam thời Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức là một quốc gia phong kiến tương đối phát triển ở phương đông. Nền văn hoá Khổng giáo sau hàng ngàn năm lưu tồn đã được tiếp nhận vào truyền thống, đã thấm sâu vào não trạng dân Việt. Văn hoá Việt thời nhà Nguyễn cũng chính là văn hoá Khổng giáo được hội nhập “integrate” vào nền văn hoá Việt Nam. Tuy vậy, người Việt vẫn có đó sự nhạy cảm tâm linh sâu xa, cách riêng với văn hoá ứng xử với môi trường xã hội. Chính vì thế, khi Kitô giáo được loan truyền và với gương chứng nhân của các thừa sai, lẽ tất nhiên các tín hữu theo đạo ngày một đông. Giáo lý Công Giáo cộng với tinh thần trung nghĩa vốn có của các tín hữu người Việt đã làm cho nhà Nguyễn khó chịu vì bị mất ảnh hưởng, đây là một trong các nguyên nhân khiến các chiếu chỉ cấm đạo lần lượt ra đời. Những xung đột văn hoá hoặc tín ngưỡng chỉ là nguyên nhân thứ yếu dẫn đến việc cấm đạo. Sâu xa hơn vẫn là việc nhà Nguyễn đã chọn Nho học như một hệ tư tưởng chính thống của đất nước. Việc xây dựng Thái miếu (1804), việc thiết dựng Đàn Nam Giao

(1806) hay việc ban sắc thần cho các làng xã để thờ làm Thành hoàng (1809)... vừa để thoả mãn nhu cầu tín ngưỡng và ổn định xã hội, vừa để củng cố và khẳng định vai trò của đẳng “*phụ mẫu chi dân*”.

- *Ngai vàng lung lay theo vận nước.*

Năm 1819 Gia long băng hà, cháu ông là Minh Mạng nối ngôi. Minh Mạng là người được dưỡng dục trong bầu khí thuần Nho nên có cái nhìn khá không mấy thiện cảm với đạo Công Giáo⁷. Hành động báo thù Tây Sơn với mục tiêu cảnh báo những mầm mống phản loạn đã sớm rơi vào quên lãng. Thời Minh Mạng, khắp cõi nước nam giặc giã lại nổi lên. Biên thùy phía tây và phía nam có giặc Xiêm và giặc Lào. Trong nước lại có loạn từ bắc chí nam, Phan Bá Vành, Lê Duy Dương, Nông Văn Vân... liên tiếp quấy nhiễu. Ngai vàng tỏ ra thiếu vững chãi và đại sự chỉ hầu như tập trung vào việc dẹp loạn. Trong những năm rối ren ấy, các thừa sai Tây Phương vẫn hằng say truyền giáo bất chấp chỉ dụ cấm đạo. Minh Mạng lại càng có lý do để gia tăng cấm cách người công giáo khi bắt gặp các thừa sai ở lẫn với nghịch thần Lê Văn Khôi⁸. Quá chú tâm vào việc bảo hoàng, Minh Mạng đã bãi bỏ chức tổng trấn Gia Định, việc làm này kéo theo sự bất ổn khiến nước Xiêm và Chân Lạp lần lượt chống phá đến độ triều Nguyễn mất cả ảnh hưởng tại Nam Vang “Phnompenh”. Nhìn chung việc cấm đạo ác nghiệt của vua Minh Mạng là hành động “mất khôn”. Trong cơn hoảng loạn, ông đã có những lo sợ thái quá cho ngai vàng. Ông không thể phân biệt giữa thương nhân, lính tráng và các thừa sai ngoại quốc nên quyết định trục xuất tất cả để rồi đưa đất nước vào tình trạng “*bé quan toả cảng*” hoàn toàn⁹. Các quyết định vội vã của Ông trên thực tế lại đem đến những kết quả ngược. Số giáo dân công giáo tiếp tục gia tăng và ngày càng tỏ ra trung thành với Đạo¹⁰. Nhận ra việc cấm thừa sai Tây phương giảng

⁵ Xc. Trần Trọng Kim, *Nho Giáo*, Quyển Hạ, chương X, Nho giáo ở Việt Nam.

⁶ Xc. Bùi Đức Sinh, *Giáo Hội Công Giáo tại Việt Nam*, Q.I, Tr.479

⁷ Xc. Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, Q.II, Tr.185

⁸ Sđd, Tr.228

⁹ Sđd, Tr. 224

¹⁰ Đào Trung Hiệu, Sđd, Tr.184

đạo trở nên vô ích, ông có hành động điều đình với nước Pháp, nhưng mọi chuyện đã đi vào lịch sử, ông mất năm 1838.

Hoàng thái tử Miên tông lên ngôi đặt niên hiệu là Thiệu Trị (1841). Thời Thiệu Trị, quân đội Pháp vì muốn bảo vệ các thừa sai nên đề nghị nhà vua bỏ chỉ dụ cấm đạo. Sự việc đang được bàn lại thì xảy ra việc quân Pháp đánh đắm chiến thuyền của nhà Nguyễn. Thiệu Trị nổi giận, ông ra lệnh cấm người ngoại quốc giảng đạo và trị tội những giáo hữu Việt Nam. Thiệu Trị chết năm 1847 tức chỉ sau sự kiện tàu pháp bắn phá ít tháng. Con thứ của Thiệu Trị là Hồng Nhậm – Tự Đức lên ngôi lúc mới 19 tuổi. Ông tỏ ra là người sùng bái Nho học. Tự Đức thờ mẹ tức đức Từ Dụ một cách hiềm có, siêng năng đèn sách, giữ nề nếp gia phong, tổ chức ngự triều rất trật tự, làm việc chăm chỉ... Những điều ấy cho thấy ông là người thấm nhuần nền giáo dục nho giáo. Tiếc là thời đó triều thần không nhạy bén trước sự biến chuyển của thời cuộc. Trong khi thế giới quá tiến bộ mà ở trong nước cứ chăm chỉ văn chương, khéo nghề nghiên bút. Bàn quốc sự thì lấy Nghiêu, Thuần, Hạ, Thương, Chu từ xa xôi mà đem ra ứng dụng cho hiện tại. Tình trạng đó nói lên sự kém cỏi trong việc trị quốc nếu không muốn nói đến việc binh Thiên Hạ là điều không thể! Sự việc một thứ giả Công Giáo là Nguyễn Trường Tộ (1862) mang văn minh Tây Phương hiến kế thì lại cho là sai lạc và làm mất kỷ cương¹¹. Vua và triều đình đều yếu nhược, vì thế đến khi Pháp đánh Việt Nam thì đã quá muộn. Việc cấm đạo sau đó càng triệt để và tàn ác liệt hơn. Tóm lại, tầm nhìn thiên cận và cách thức tổ chức đất nước yếu kém của Nhà Nguyễn là nguyên nhân chính trong việc đưa ra những chính sách cấm đạo sai lầm.

- Việt Nam trong thế giới Đông Á.

Đông Á thời bấy giờ vẫn hướng về Trung Hoa và xem đó như mẫu quốc gia phong kiến điển hình. Tại Việt Nam, khi lên ngôi, các vị vua vẫn phải chịu sự phong vương của nhà

Thanh và sớm lo giao hiếu với họ. Về luật pháp, nhà Nguyễn lấy luật Hồng Đức rồi tham chiếu luật nhà Thanh để xây dựng bộ luật mới. Các vua Nguyễn cũng lập văn miếu ở các doanh các trấn, tôn Nho học y như vương triều nhà Thanh. Về đối ngoại, các vua Nguyễn khá rập khuôn theo Trung Hoa. Nếu như cuối thế kỷ XVIII sang đầu thế kỷ XIX nhà Thanh từ chối ký kết hiệp ước thông thương với người Anh¹², thì tại Việt Nam, năm 1803 nhà Nguyễn cũng từ chối giao tiếp với Hồng Mao “Western – chỉ nghĩa xấu”¹³. Không minh nhiên nhưng trên thực tế các quốc gia đồng văn Trung Hoa vẫn xem nhà Thanh là kiểu mẫu “trị quốc bình thiên”. Tại Nhật Bản, Mạc Phủ ở cũng cự tuyệt giao thương với Anh và Hoa kỳ. Vấn đề tôn giáo theo lối đó cũng không sáng sủa gì mấy, các nước Á Đông mà đứng đầu là Trung Hoa vẫn giữ thái độ xem thường Phương Tây và những gì liên quan đến họ. Văn minh, văn hoá, tôn giáo Phương Tây sau thời gian “trăng mật” ngán ngùi thì đều trở thành cái gai trong mắt những vua quan hay các chế độ phong kiến chuyên chế bấy giờ. Thế nên cả Nhà Thanh, Mạc Phủ, Hoàng gia Triều Tiên¹⁴ hay nhà Nguyễn tại Việt Nam đều dùng nhiều chiêu thức bắt bớ, ngăn cấm dân chúng theo đạo để củng cố uy danh vương quyền và ổn định xã hội. “Hào khí Đông Á” thực sự biến thành phong trào nơi miền Viễn Đông. Chỉ tiếc rằng khi Nhật Bản sớm nhận ra thiếu sót để rồi sớm chủ trương duy tân đất nước, thì tại nước Nam ta, nhà Nguyễn vẫn trong tình trạng “éch ngôi đáy giếng” để rồi cả dân tộc phải chịu cảnh đô hộ của thực dân.

Như vậy, việc cấm đạo của nhà Nguyễn cũng có nguyên nhân từ ảnh hưởng của tình hình chung về đường lối ngoại giao của các nước Đông Á. Theo chế độ phong kiến nhưng nhà Nguyễn lại chưa đủ tầm vóc để tự chủ. Cho nên, không lạ gì khi họ bắt chước các nước xung quanh trong việc cấm đạo.

¹² Nguyễn Hiến Lê, *Lịch Sử Thế Giới*, Q.II, Tr.129

¹³ Trần Trọng Kim, *Sđd*, Tr.181

¹⁴ Đào Trung Hiệu, Video Clip, *Đôi nét về Giao Hội Triều Tiên*.

¹¹ Trần Trọng Kim, *Sđd*, Tr.235-240

2. SỰ XUẤT HIỆN CỦA CÁC THỪA SAI

- *Thế giới Phương Tây mở ra*

Trong hoàn cảnh đất nước lại xảy ra loạn lạc, thêm nữa, nhân sinh quan và vũ trụ quan của các vua nhà Nguyễn lại bó hẹp, thế nên khi người Tây Dương xuất hiện, họ bối rối và vội vã đưa ra chính sách ngăn cấm để phòng bị. Sự xuất hiện cùng lúc của thương gia, lính tráng và thừa sai Châu Âu đã gây nên sự khủng hoảng thực sự cho nhà Nguyễn. Nhà Nguyễn vừa mặc cảm khi so sánh khí tài quân sự, vừa thích thú vừa nghi hoặc trước kỹ nghệ và hàng hoá phương tây! Với vấn đề tôn giáo, nhà Nguyễn trọng dụng chủ trương nhập thể của Nho giáo đồng thời bài trừ mê tín của các lễ nghi Phật Giáo Bắc Tông¹⁵. Thế nhưng khi Công Giáo xuất hiện thì chủ trương nhập thể của Nho giáo xem ra không được hữu dụng và gần gũi với con người bằng giáo lý “*bác ái tình thương*” của Công Giáo. Nền phong hoá kính vua hiệu tổ bị xuy giảm. Nhà Nguyễn thừa biết Công Giáo có một giáo lý chặt chẽ và dễ tiếp nhận đối với mọi tầng lớp xã hội. Họ thừa biết Công Giáo có một nhân sự làm nhiệm vụ điều hành và truyền giảng được đào tạo công phu, có lễ nghi phong phú, hấp dẫn và một hệ thống luân lý rất gần với đạo đức phổ thông của xã hội. Đó là nguyên nhân khiến triều đình Nguyễn chạnh lòng và sinh ra cái nhìn thiếu thiện cảm với các thừa sai Công Giáo.

Trên thực tế, quân đội, thương gia và các thừa sai cũng có mối liên hệ khá mật thiết. Hoàn cảnh kinh tế không thể cho phép các thừa sai đến Việt Nam mà không cần nhờ vả các thương hạm phương tây. Ngược lại người Tây phương cũng biết rõ lợi ích thực dân của họ sẽ được gia tăng từ chính ảnh hưởng của các thừa sai trên đất Việt. Phía quân đội, họ gắn liền với chính sách tư bản thuộc địa Tây Phương. Nhưng sẽ là thiếu sót nếu như xem mỗi quan hệ này có chủ trương từ phía các Thừa Sai. Thực sự ra, các ngài chỉ mong

muốn cho nước Chúa rộng mở, các ngài sẵn sàng chịu đựng những khổ đau bất bố để đạt được mục tiêu này. Các Ngài thừa hiểu bất lợi về phía mình chứ không phải là các lính tráng và thương gia nhưng vẫn kiên trung dần bước. Chính vì lẽ đó việc đánh đồng về mặt chủ trương bành trướng của Phương Tây với sứ vụ truyền giáo của các Thừa Sai là không có căn cứ¹⁶.

- *Xu hướng tôn giáo và tổ quốc*

Một trong các nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc bắt đạo là xu hướng thời đại giữa thế kỷ XIX. Khái niệm như “tôn giáo và tổ quốc”, cộng với óc thực dụng duy lý của người Phương Tây đã khiến cho tình hình đối đầu giữa nhà Nguyễn và Phương tây thêm căng thẳng¹⁷. Khi xảy ra việc bắt đạo, quân đội Pháp quốc không thể ngồi yên khi các thừa sai Pháp bị giết hại, họ đã can thiệp nhưng không bình tĩnh để sau đó phải nổ súng làm khuấy động thêm tình hình vốn đã bất ổn¹⁸.

Sẽ là thiếu sót nếu không nhắc đến ước mơ truyền đạo nhanh chóng của các thừa sai ngoại quốc. Nhân vật đầu tiên phải kể đến là Đức Cha Bá Đa Lộc. Ngay từ những ngày đầu phục quốc của Gia Long, đức cha đã nhiều lần chủ động đề nghị giúp đỡ cho nhà vua trong công cuộc hồi phục vương triều. Hẳn nhiên trong suy nghĩ của ngài, việc kết thân với một vị vua sẽ loại bỏ được rất nhiều khó khăn trong sứ vụ truyền bá tin mừng. Có sử gia ghi lại, sau Đức Cha Bá Đa Lộc, đến lượt Cố Du (Thánh tử đạo) cũng có ý nghĩ như vậy khi theo giúp Lê Văn Khôi¹⁹. Nên nhớ, kinh nghiệm của lịch sử truyền giáo tại Trung Hoa của các thừa sai dòng Tên còn đó. Thời nhà Minh, sự khôn khéo và chọn phương pháp kết thân với triều đình của các thừa sai dòng Tên làm chiến lược truyền giáo chỉ hiệu nghiệm trong thời gian ban đầu hết sức ngắn ngủi²⁰.

¹⁵ *Đại Nam thực lục*, Chính biên, Tập XXVIII, Tr.136

¹⁶ Xc. Nguyễn Văn Kiệm, *Góp phần tìm hiểu một số vấn Đề Lịch Sử cận Đại Việt Nam*. Tr. 183-197

¹⁷ Đào Trung Hiệu, Sđd, Tr. 183

¹⁸ Trần Trọng Kim, Sđd, Tr.233-234

¹⁹ Sđd, Tr.208

²⁰ Xc. Nguyễn Hiến Lê, *Lịch Sử Thế Giới*, Tr. 186

Đối với sứ mệnh truyền giáo thì việc tuân theo thánh ý Chúa vẫn là trên hết! Thực sự số tín hữu tăng bội nhanh chóng²¹ ngay trong thời kỳ bắt bớ là do lòng anh dũng truyền giảng của các thừa sai khi lâm lũ sống giữa những người dân thôn dã quê mùa hơn là việc bắt tay với vua quan.

KẾT LUẬN: NIỀM HY VỌNG LÊN NGÔI

Khi bàn về việc cầm đạo trong quá khứ, chúng ta sẽ thấy vấn đề hiện tại qua nhãn quan Đức Tin. Nhà Nguyễn hay chính quyền hôm nay đều bắt chấp mọi thứ để bảo vệ vương triều. Điều đó không có gì lạ dưới ánh mặt trời! Tuy nhiên trong hoàn cảnh đau thương này người Công Giáo Việt Nam chúng ta vẫn lữ hành trong niềm tin Cứu Độ.

Từ thời chúa Nguyễn cho đến hôm nay, Giáo hội Việt Nam nhiều lần được nhìn lại mình để tiếp tục tiến bước về quê trời. Những giấc mộng đế vương hay ảo vọng trần thế chẳng những không làm xoá nhoà mà còn tô thêm những đức tính cao đẹp của người Công Giáo Việt Nam. Gương các vị tử đạo còn đó, họ là những người Việt Nam thể hiện tình thân ái bao dung với mọi người ngay cả khi bị bách hại. Họ là những con dân nước Việt vẫn tôn trọng vua quan và hết lòng vì quê hương bất chấp cảnh ngặt nghèo mà họ phải chịu. Họ là những người mẫn nòng tình nghĩa gia đình như cha ông họ vẫn thường giữ trọn. Những người Công giáo Việt Nam đi qua đau thương và để lại những chân dung bất khuất, sống Tin Mừng yêu thương ngay trong chính nghịch cảnh. Người Công Giáo Việt Nam không chấp nhận sự man trá để thoát thân khỏi những thử thách đau thương khi âm thầm chịu đựng đau khổ. Họ phục vụ đất nước trong tinh thần thân phục Chân Lý. Họ sẵn lòng hy sinh tính mạng, không ngại tử đạo để dâng mình làm hiến lễ tình yêu. Họ chung vai sát cánh sẻ chia những khó khăn, liên đới với dân tộc để tuyên xưng niềm tin của mình. Trong cảnh tù đày ly cách họ vẫn sẵn lòng chuyển trao đức tin cho những người xung quanh. Những tấm lòng

kiên trung anh dũng và bao dung rộng mở của họ, tất cả để nói lên Niềm Tin Phục Sinh, tất cả để quy phục Chân Lý. Qua mọi thời, ngọn lửa chứng nhân vẫn nội hàm một ý nghĩa nhất quán.

“Cuối cùng, bài học rút ra từ những cái chết của các vị Tử Đạo là bài học của sự sống. Cái chết nguyên nó chẳng có giá trị gì hết, chính sự sống mới làm nên muôn điều huyền diệu. Sự sống đó chính là tình yêu với con người chung quanh, tình yêu với những gì cao thượng và chân thật. Tình yêu đó bùng lên cách mãnh liệt trong màu nhiệm tự hủy và hiến dâng. Bài học của các vị tử đạo không phải là khơi lên máu nóng tìm đến cái chết, mà chính là sống hiến thân từng giây phút của đời mình cho Thiên Chúa và tha nhân. Sự sống đó luôn kêu mời chúng ta: mỗi ngày chết đi những yếu đuối tâm thường, để can đảm làm chứng tá đấu tranh cho Chân lý. Sự sống đó hứa hẹn với chúng ta một ngày sau rạng rỡ, ngày đoàn tụ với cha anh chúng ta trên cõi bất diệt”²².

117 Thánh nhân tử đạo được suy tôn là biểu tượng cho niềm tin Công Giáo Việt Nam trưởng thành từ những thử thách đau thương đặc biệt là giai đoạn cầm đạo gay gắt 1833-1862. Chúng ta hôm nay tiếp tục sống như những mẫu gương anh dũng đó trong mọi hoàn cảnh.

Người Việt Nam quan niệm sự sống là sinh mệnh, trong đó yếu tố mệnh nói lên cái do trời định, không phải sức người miễn cưỡng được²³. Người Công Giáo Việt Nam còn đưa sự sống lên một tầm cao mới qua việc dùng chính mạng sống đó tôn vinh Đấng đã dựng nên nó để sau hết được ở lại trong Tình Thương của Người trong cõi phúc bất diệt. Bất chấp nhà cầm quyền nào đi nữa, thì người Công Giáo Việt Nam vẫn đã, đang và sẽ mãi mãi sống trọn Niềm Tin ấy.

²¹ Xc. Đào Trung Hiệu, Sđd, Tr.194

²² Đào Trung Hiệu, Sđd, Tr, 234

²³ Đào Duy Anh, *Hán Việt Từ Điển*, Trường Thi, Sài Gòn, 1957, Tr.554